

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-PT

Ngày 23 - 02 - 2023

*“V/v tranh chấp dân sự -
Hợp đồng vay tài sản, hợp
đồng tặng cho quyền sử
dụng đất và yêu cầu hủy
Quyết định áp dụng biện
pháp khẩn cấp tạm thời”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/02/2023 và ngày 23/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022, về việc *“Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 394/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Chị Lê Thanh L, sinh năm 1989;

1.2. Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Số, Trần Hữu Tr, Tổ , Khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị Ln và bà Ng: Bà Ngô Thị Kim X, sinh năm 1960. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày

27/4/2022.

Địa chỉ: Số, đường Lê Văn T, Tổ, Khóm, Phường, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn:

2.1. Chị Huỳnh Thị Kim N1, sinh năm 2000.

2.2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Số, Rạch Ba Kh, Tổ, Khóm, Phường, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà N và chị N1: Bà Nguyễn Minh Hoàng H, sinh năm 1972. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 24/01/2022; ngày 03/01/2023.

Địa chỉ: khu phố, Phường, thành phố Mỹ Th, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Ngọc Kh, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ, Khóm, Phường, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Tổ, khóm Mỹ Ph, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số, Rạch Ba K, Tổ, Khóm, Phường, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông L: Bà Nguyễn Minh Hoàng H, sinh năm 1972. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 24/01/2022; ngày 03/01/2023.

Địa chỉ: Số, khu phố, Phường, thành phố Mỹ Th, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Anh Huỳnh Văn L1, sinh năm 1990;

3.5. Anh Huỳnh Minh Tr, sinh năm 1993;

3.6. Chị Huỳnh Thị Như H1, sinh năm 1996;

3.7. Huỳnh Gia B, sinh năm 2019;

Người đại diện theo pháp luật của Huỳnh Gia B: Anh Huỳnh Minh Tr, sinh năm 1993 và chị Huỳnh Thị Như H1, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Số, Rạch Ba Kh, Tổ, Khóm, Phường, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người kháng cáo:** Bà Lê Thị N, chị Huỳnh Thị Kim N1 là bị đơn; Ông Huỳnh Văn L người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bà X, bà H, anh L1, bà B có mặt tại phiên tòa. Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thanh L trình bày:***

Vào ngày 17/7/2021 chị L có cho bà N và chị N1 vay số tiền 520.000.000 đồng và số tiền 150.000.000 đồng. Tổng số tiền chị L cho vay hai lần là 670.000.000 đồng, có hẹn trả nợ nhiều lần nhưng bà N và chị N1 không trả nợ cho chị L, việc cho vay có làm biên nhận. Nay chị L yêu cầu bà Lê Thị N và chị Huỳnh Thị Kim N1 có trách nhiệm liên đới trả cho chị L số tiền là 670.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Đối với ông Phạm Ngọc Khoa có tên trong biên nhận ngày 17/7/2021 với số tiền vay 150.000.000 đồng là do chị L tự ghi tên ông Khoa vào, thực tế ông Khoa không có liên quan gì trong việc vay mượn nợ giữa chị L, bà N và chị N1.

Chị L xác định mỗi lần mượn tiền thì cả chị N1 và bà N đều gọi điện thoại trực tiếp hỏi mượn chị L, đồng thời vì sự uy tín của bà N nên chị L mới đồng ý cho mượn, khi nhận tiền thì cả bà N và chị N1 cùng đến nhà chị L nhận và cả hai cùng ký tên vào hai tờ biên nhận mượn nợ. Vì vậy, chị L yêu cầu bà N và chị N1 trả số tiền vay 670.000.000 đồng.

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Ng trình bày:***

Vào ngày 01/5/2021, bà Ng có cho bà N và chị N1 vay số tiền là 190.000.000 đồng và ngày 04/7/2021 bà Ng có cho vay thêm 80.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ bà Ng cho vay hai lần là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng), có hẹn trả nợ nhiều lần nhưng bà N và chị N1 không trả nợ cho bà Ng, việc cho vay có làm biên nhận. Nay bà Ng yêu cầu bà Lê Thị N và chị Huỳnh Thị Kim N1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ng số tiền là 270.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đối với bà Phạm Thị Bcó tên trong 02 biên nhận ngày 04/7/2021 và 01/5/2021 vay số tiền 270.000.000 đồng là do bà Ng tự ghi tên vào 02 tờ nhận nợ, thực tế bà B không có liên quan gì trong việc vay mượn nợ giữa bà Ng, bà N và chị N1.

- Ngày 25/5/2022, bà Phạm Thị Ng và chị Lê Thanh L có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung:

- Chị Lê Thanh L yêu cầu bà N và chị N1 cùng với ông Huỳnh Văn L, anh Huỳnh Văn L1, anh Huỳnh Minh Tr, Huỳnh Gia B (có người đại diện theo pháp luật là anh Huỳnh Minh Tr), chị Huỳnh Thị Như H1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay 670.000.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng, tiền lãi

được tính từ ngày 17/7/2021 đến ngày 02/6/2022 là 10 tháng 15 ngày (10,5 tháng).

$670.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 10,5 \text{ tháng} = 58.390.500 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc và lãi là $670.000.000 \text{ đồng} + 58.390.500 \text{ đồng} = 728.390.500 \text{ đồng}$ và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

- Bà Phạm Thị Ng yêu cầu bà N và chị N1 cùng với ông Huỳnh Văn L, anh Huỳnh Văn L1, anh Huỳnh Minh Tr, Huỳnh Gia B (có người đại diện theo pháp luật là anh Huỳnh Minh Tr), chị Huỳnh Thị Như H1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay 01 lần cho Phạm Thị Ng 270.000.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng, tiền lãi được tính như sau:

Đối với khoản tiền 190.000.000 đồng được tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày 01/6/2022 là 13 tháng:

$190.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 13 \text{ tháng} = 20.501.000 \text{ đồng}$.

Đối với khoản tiền 80.000.000 đồng được tính từ ngày 04/7/2021 đến ngày 04/6/2022 là 11 tháng: $80.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 11 \text{ tháng} = 7.304.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và lãi là $270.000.000 \text{ đồng} + 27.805.000 \text{ đồng} = 297.805.000 \text{ đồng}$ và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

Bà Ng và chị L yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 15/4/2022 tại thửa đất số 141, tờ bản đồ số 23, diện tích 539,7m² do hộ ông L tặng cho cá nhân ông Huỳnh Văn L.

Đến ngày 08/6/2022 và ngày 10/7/2022 chị L và bà Ng có đơn rút các yêu cầu thụ lý bổ sung nêu trên.

**** Tại các Bản tự khai và Tờ tường trình bổ sung cùng ngày 22/02/2022, bị đơn chị Huỳnh Thị Kim N1 và người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn có ý kiến trình bày:***

Chị Huỳnh Thị Kim N1 và bà Lê Thị N thừa nhận có ký tên vào các tờ biên nhận vay tiền do chị L và bà Ng khởi kiện. Tuy nhiên, chị N1 cho rằng đối với các khoản vay của chị L là do cộng dồn nhiều lần.

Nay chị N1 đồng ý trả cho chị L các khoản tiền sau:

- Đối với biên nhận 520.000.000 đồng, chị N1 đồng ý trả vốn 408.900.000 đồng, trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Vì chị N1 đã trả góp được số tiền 111.100.000 đồng, nên yêu cầu trừ vào khoản tiền gốc, căn cứ là các tờ ghi trả góp do bà L trực tiếp ghi cho chị N1.

- Đối với biên nhận 150.000.000 đồng, chị N1 đồng ý trả 136.200.000 đồng, trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Vì chị N1 đã trả lãi được 13.800.000 đồng nên yêu cầu được trừ lãi đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng, nay chị N1 đồng ý trả 136.200.000 đồng cho chị L.

Đối với các khoản vay của bà Ng, chị N1 chỉ đồng ý trả cho bà Ng số tiền như sau:

- Biên nhận vay 190.000.000 đồng ngày 04/7/2021, chị N1 đồng ý trả cho bà Ng và yêu cầu trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng.

- Biên nhận 80.000.000 đồng ngày 04/7/2021, chị N1 không đồng ý trả vì biên nhận này là tiền lãi của số tiền 190.000.000 đồng, chứ không phải tiền vốn do bà Ng đưa cho chị N1 vay.

*** Bị đơn bà Lê Thị N trình bày:**

Bà Lê Thị N thừa nhận có ký tên vào 02 biên nhận nợ cùng ngày 17/7/2021 để chị N1 vay của bà Lê Thanh L số tiền 520.000.000 đồng và 150.000.000 đồng. Bà N cũng thừa nhận có ký tên vào 02 hai biên nhận để Kim N1 vay tiền của bà Phạm Thị Ng số tiền là 190.000.000 đồng biên nhận ngày 04/7/2021 và số tiền 80.000.000 đồng biên nhận ngày 01/5/2021. Tuy nhiên, việc bà N ký tên vào biên nhận là nhằm mục đích tác động Kim N1 trả tiền cho chị L và bà Ng nên không đồng ý liên đới cùng Kim N1 trả các khoản vay trên cho chị L và bà Ng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc Khoa trình bày tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 22/02/2022 như sau:***

Trong vụ án Lê Thị L khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N và Huỳnh Thị Kim N1 trả số tiền 670.000.000 đồng, đối với biên nhận ngày 17/7/2021 thể hiện nội dung Huỳnh Thị Kim N1 có đồng ý mượn của Lê Thanh L và Phạm Ngọc Khoa số tiền 150.000.000 đồng.

Sau khi được Tòa án cho xem biên nhận nêu trên, ông Phạm Ngọc Khoa xác định ông Khoa không biết gì về việc Lê Thanh L cho bà Lê Thị N và Huỳnh Thị Kim N1 vay số tiền 150.000.000 đồng theo biên nhận, việc Lê Thanh L ghi tên ông Phạm Ngọc Khoa vào biên nhận để thể hiện là Lê Thanh L có mượn tiền của ông Phạm Ngọc Khoa. Đó là việc cho mượn tiền giữa ông Khoa và Lê Thanh L không liên quan gì trong vụ án này. Ông Phạm Ngọc Khoa cũng không yêu cầu, khởi kiện gì đối với số tiền mà ông Khoa cho cháu là Lê Thanh L mượn, đây là việc trong gia đình sẽ tự giải quyết.

Ông Phạm Ngọc Khoa khẳng định không có cho bà Lê Thị N và Huỳnh Thị Kim N1 vay bất kỳ khoản tiền nào nêu trên, ông Phạm Ngọc Khoa không liên quan gì trong vụ án này và cũng không yêu cầu khởi kiện gì với bà Lê Thị N và Huỳnh Thị Kim N1. Tất cả nội dung biên nhận vay tiền sẽ do Lê Thanh L tự quyết định.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Btrình bày tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 22/02/2022 như sau:***

Trong vụ án bà Phạm Thị Ng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N và Huỳnh Thị Kim N1 trả số tiền 270.000.000 đồng, đối với 02 biên nhận thể hiện nội dung Huỳnh Thị Kim N1 có đồng ý mượn của Phạm Thị Ng và Phạm Thị Bsố tiền 190.000.000 đồng ngày 04/7/2021 và Biên nhận số tiền 80.000.000 đồng ngày 01/5/2021.

Sau khi được Tòa án cho xem 02 biên nhận nêu trên, bà Phạm Thị Bxác định bà B không biết gì về việc bà Phạm Thị Ng cho bà Lê Thị N và Huỳnh Thị Kim N1 vay số tiền 270.000.000 đồng, việc bà Phạm Thị Ng ghi tên bà Phạm Thị Bvào biên nhận để thể hiện là bà Ng có mượn tiền của bà Phạm Thị Bùi. Đó là việc cho mượn tiền giữa bà Ng và bà B không liên quan gì trong vụ án này. Bà B cũng không yêu cầu, khởi kiện gì đối với số tiền mà bà Bcho bà Ng mượn, chị em trong gia đình tự giải quyết.

Bà Phạm Thị Bkhẳng định không có cho bà Lê Thị N và Huỳnh Thị Kim N1 vay bất kỳ khoản tiền nào nêu trên, bà B không liên quan gì trong vụ án này và cũng không yêu cầu khởi kiện gì với bà Lê Thị N và Huỳnh Thị Kim N1. Tất cả nội dung biên nhận vay tiền sẽ do bà Phạm Thị Ng tự quyết định.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L trình bày tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 09/5/2022:***

Ông Huỳnh Văn L đã nhận được Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, ông L không có ý kiến về quyết định của Tòa án. Ông L sẽ cung cấp tài liệu, chứng minh nguồn gốc đất là của ông bà ông L cho cá nhân ông L.

Ông L đồng ý trả nợ cho vợ và con ông L nhưng với điều kiện là trả nợ gốc không đồng ý trả lãi, khi nào trả xong các khoản nợ, ông Huỳnh Văn L yêu cầu Tòa án hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nếu như bên bà Phạm Thị Ng và chị Lê Thanh L ngăn chặn về tài sản nếu có thiệt hại thì phải bồi thường cho ông Huỳnh Văn L.

Ngày 17/5/2022, ông L có văn bản trình bày ý kiến với nội dung:

Ngày 09/5/2022, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh có lập biên bản lấy lời khai đương sự đối với ông L. Tại biên bản này, Thẩm phán cho ông L biết là Tòa án ra Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời đối với các thửa đất do ông L đứng tên nên ông L mới có ý kiến là: Ông L chỉ đồng ý trả số nợ gốc cho vợ con ông L (chưa tới 200 triệu), để Tòa án không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với các thửa đất của ông L. Đối với số tiền mà bà Ng và cô L khởi kiện vợ con ông L, ông L hoàn toàn không biết, không có vay mượn và cũng không có tiêu xài trong số tiền này nên ông L không có trách nhiệm liên đới đối với 02 khoản nợ nêu trên.

**** Ngày 20/5/2022, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L, anh Huỳnh Văn L1, anh Huỳnh Minh Tr và chị Huỳnh Thị Như H1 khởi kiện yêu cầu độc lập với nội dung:***

Yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 06/5/2022 về việc phong tỏa quyền sử dụng đất tại thửa 141, tờ bản đồ số 23, diện tích 539,7m² đất (200m² đất thổ và 339,7m² đất cây lâu năm) tọa lạc Phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; giấy chứng nhận số 00615 QSDĐ/2132/QĐ-UB do UBND TX. Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cấp cho hộ ông Huỳnh Văn L ngày 17/9/2004.

Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký kết giữa hộ ông Huỳnh Văn L cho ông Huỳnh Văn L đối với thửa đất 141, tờ bản đồ số 23, diện tích 539,7m² đất (200m² đất thổ và 339,7m² đất cây lâu năm) tọa lạc Phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 03/6/2022, ông L, anh Lăng, anh Trí và chị Hảo rút yêu cầu, đối với yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho nêu trên.

**** Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn, bà Ngô Thị Kim Xuyên trình bày:***

Chị L yêu cầu bà Lê Thị N và chị Huỳnh Thị Kim N1 cùng với ông Huỳnh Văn L, anh Huỳnh Văn L1, anh Huỳnh Minh Tr, chị Huỳnh Thị Như H1 và Huỳnh Gia B (đại diện theo pháp luật là anh Huỳnh Minh Tr và chị Huỳnh Thị Như H1) có trách nhiệm liên đới trả cho chị L số tiền vay 670.000.000 đồng. Chị L rút yêu cầu đối với số tiền lãi 58.390.500 đồng.

Bà Ng yêu cầu bà Lê Thị N và chị Huỳnh Thị Kim N1 cùng với ông Huỳnh Văn L, anh Huỳnh Văn L1, anh Huỳnh Minh Tr, chị Huỳnh Thị Như H1 và Huỳnh Gia B (đại diện theo pháp luật là anh Huỳnh Minh Tr và chị Huỳnh Thị Như H1) có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ng số tiền vay 270.000.000 đồng. Bà Ng rút yêu cầu đối với số tiền lãi 27.805.000 đồng.

Chị L và bà Ng rút yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 15/4/2022 tại thửa đất số 141, tờ bản đồ số 23, diện tích 539,7m² do hộ ông L tặng cho cá nhân ông Huỳnh Văn L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc Khoa và bà Phạm Thị Btrình bày: Vẫn giữ ý kiến đã trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2022, không trình bày bổ sung gì thêm.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Thanh L và bà Phạm Thị Ng yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa 141, tờ bản đồ số 23, diện tích 539,7m² do hộ ông Huỳnh Văn L tặng cho ông Huỳnh Văn L ngày 15/4/2022.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Thanh L và bà Phạm Thị Ng, yêu cầu chị Huỳnh Thị Kim N1, bà Lê Thị N, ông Huỳnh Văn L, anh Huỳnh Văn L1, anh Huỳnh Minh Tr, chị Huỳnh Thị Như H1 và cháu Huỳnh Gia B (đại diện theo pháp luật anh Huỳnh Minh Tr và chị Huỳnh Thị Như H1) trả cho chị Lê Thanh L số tiền lãi 58.390.500đồng và trả cho bà Phạm Thị Ng số tiền lãi 27.805.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu của ông Huỳnh Văn L, anh Huỳnh Văn L1, anh Huỳnh Minh Tr và chị Huỳnh Thị Như H1 yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa 141, tờ bản đồ số 23, diện tích 539,7m² do hộ ông Huỳnh Văn L tặng cho ông Huỳnh Văn L ngày 15/4/2022.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh L và bà Phạm Thị Ng.

Buộc chị Huỳnh Thị Kim N1, bà Lê Thị N và ông Huỳnh Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho chị Lê Thanh L số tiền 670.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu đồng).

Buộc chị Huỳnh Thị Kim N1, bà Lê Thị N và ông Huỳnh Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị Ng số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thanh L và bà Phạm Thị Ng, yêu cầu anh Huỳnh Văn L1, anh Huỳnh Minh Tr, chị Huỳnh Thị Như H1 và cháu Huỳnh Gia B (đại diện theo pháp luật là anh Huỳnh Minh Tr và chị Huỳnh Thị Như H1) trả cho chị Lê Thanh L số tiền 670.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu đồng) và trả cho bà Phạm Thị Ng số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 8 năm 2022, bà Lê Thị N, chị Huỳnh Thị Kim N1 là bị đơn và ông Huỳnh Văn L người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh như sau:

- Chị Huỳnh Thị Kim N1 không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc chị N1 có trách nhiệm liên đới cùng bà N và ông L trả cho chị L số tiền 670.000.000 đồng và trả cho bà Ng số tiền 270.000.000 đồng.

- Bà Lê Thị N không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc bà N có trách nhiệm liên đới cùng chị N1 và ông L trả cho chị L số tiền 670.000.000 đồng và trả cho bà Ng số tiền 270.000.000 đồng.

- Ông Huỳnh Văn L không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc ông L có trách nhiệm liên đới cùng chị N1 và bà N trả cho chị L số

tiền 670.000.000 đồng và trả cho bà Ng số tiền 270.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc, bà Hà xác định chị N1 kháng cáo không đồng ý trả cho chị L số tiền 670.000.000 đồng và trả cho bà Ng 270.000.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của chị N1, bà N. Chấp nhận kháng cáo của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của chị N1 không đồng ý trả cho chị L số tiền 670.000.000 đồng và trả cho bà Ng 270.000.000 đồng. Xét thấy, về phía chị N1 thừa nhận có vay của chị L số tiền 670.000.000 đồng thể hiện theo biên nhận ngày 17/7/2021 vay số tiền 520.000.000 đồng và biên nhận ngày 17/7/2021 vay số tiền 150.000.000 đồng và thừa nhận có vay của bà Ng số tiền 270.000.000 đồng thể hiện theo biên nhận ngày 01/5/2021 vay số tiền 80.000.000 đồng và biên nhận ngày 04/7/2021 vay số tiền 190.000.000 đồng. Chị N1 đồng ý trả cho chị L 670.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Ng số tiền 270.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị N1 cho rằng số tiền 520.000.000 đồng, chị N1 vay của chị L nhiều lần đến ngày 17/7/2021 cộng dồn lại thành số tiền 520.000.000 đồng, chị N1 có trả góp cho chị L được số tiền 111.100.000 đồng và biên nhận ngày 17/7/2021 số tiền vay 150.000.000 đồng, chị N1 đã đóng lãi được 13.800.000 đồng, nên yêu cầu trừ vào số tiền vốn vay của chị L và đồng ý trả cho chị L số tiền 02 biên nhận là 545.100.000 đồng, chị N1 có cung cấp 01 tờ giấy có chữ viết của chị L thể hiện số tiền vay 520.000.000 đồng. Chị L thừa nhận tờ giấy chị N1 cung cấp là chữ viết của chị L, nhưng chị L cho rằng chị L viết để tính tiền cho người khác không phải là tính tiền với chị N1 và chị L cho chị N1 vay 02 lần số tiền 670.000.000 đồng, chị N1 cũng không có đóng lãi. Về tờ giấy viết chị N1 cung cấp không ghi năm, không thể hiện tên của chị N1 và số tiền cụ thể bao nhiêu trên tờ giấy viết, chị N1 cũng không chứng minh được là chị L là người đưa tờ giấy viết vào ngày tháng năm nào có ai chứng kiến, nên chưa đủ cơ sở xác định chị L cho chị N1 vay nhiều lần

và chị N1 cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh là vay tiền của chị L nhiều lần trả góp được 111.100.000 đồng và đóng lãi được 13.800.000 đồng.

[2] Đối với số tiền vay của bà Ng, thì chị N1 đồng ý trả cho bà Ng số tiền 190.000.000 đồng của biên nhận vay ngày 04/7/2021. Đối với số tiền 80.000.000 đồng của biên nhận ngày 01/5/2021, chị N1 cho rằng là tiền lãi nên không đồng ý trả, nhưng chị N1 cũng không có chứng cứ chứng minh là chị N1 có vay tiền của bà Ng trước ngày 01/5/2021, nên đến ngày 01/5/2021 biên nhận 80.000.000 đồng là tiền lãi.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hà thừa nhận từ khi chị N1 viết các biên nhận vay tiền của chị L và bà Ng thì chị N1 không có đóng lãi. Chị L yêu cầu chị N1 trả 670.000.000 đồng và bà Ng yêu cầu chị N1 trả 270.000.000 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị N1.

[4] Xét kháng cáo của bà N không đồng ý liên đới cùng chị N1 trả cho chị L 670.000.000 đồng và trả cho bà Ng 270.000.000 đồng. Xét thấy, theo các biên nhận ngày 01/5/2021, ngày 04/7/2021 và ngày 17/7/2021 đều thể hiện chị N1 là người vay mượn tiền của chị L và bà N. Tuy nhiên, các biên nhận đều có nội dung mục đích mượn tiền “xoay sở trong gia đình”, đồng thời mặt sau các tờ biên nhận chị N1 có viết thêm nội dung:...Tôi tên N1 hứa trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hoàn thành tất cả số tiền nợ đã ghi trên. Nếu tôi và mẹ (bà N) không thực hiện đúng theo lời thì sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, không có nội dung nào thể hiện là bà N chỉ là người đôn đốc để chị N1 trả nợ, mà bà N cam kết cùng trả số tiền vay cho chị L, bà Ng. Đồng thời, tại thời điểm chị N1 ký tên các biên nhận vay mượn thì chị N1 chung sống với bà N. Bà N làm chủ nhiều dây hụi và nhưng chị N1 là người trực tiếp thực hiện việc giao dịch hụi.

Án sơ thẩm xử buộc bà N liên đới cùng chị N1 trả tiền vay cho chị L và bà Ng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N.

[4] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn L không đồng ý liên đới cùng chị N1, bà N trả cho chị L 670.000.000 đồng và trả cho bà Ng 270.000.000 đồng. Xét thấy, theo các biên nhận ngày 01/5/2021, ngày 04/7/2021, ngày 17/7/2021 thì mục đích chị N1 vay tiền là để xoay sở trong gia đình, nhưng không thể hiện là có sự thống nhất của ông L và ông L cũng không có ký tên vào các biên nhận. Mặc dù, tại biên bản ghi lời khai ngày 09/5/2022, thì ông L đồng ý cùng vợ (bà Lê Thị N) và con là Huỳnh Thị Kim N1 là sự tự nguyện của ông L, đồng thời tại thời điểm này, Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của ông L để đảm bảo việc thi hành án, nay ông L thay đổi không đồng ý liên đới cùng chị N1, bà N trả nợ cho chị L và bà Ng. Việc tự

nguyện của ông L cùng chị N1 và bà N trả nợ, đây không phải là giao dịch, không có gì ràng buộc thì ông L cũng có quyền thay đổi ý kiến của mình, nên không phải là căn cứ để buộc ông L trả nợ.

[6] Ông L là cha của chị N1 và là chồng của bà N, nhưng theo ông L thì ông L và bà N đã ly thân, ông L xây dựng nhà ở riêng. Theo xác nhận ngày 06/6/2022 của Công an phường 4 như sau: Từ tháng 4/2021, ông L không thường xuyên sinh sống tại phường 4. Xác nhận ngày 05/8/2022 của ông Trần Văn Tha là Tổ trưởng tổ 39, khóm 4, phường 4, thành phố Cao Lãnh, thì ông L và gia đình sống riêng, sinh hoạt riêng từ năm 2019 và trong thời gian trên không có mặt thường xuyên tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Xuyên, bà Hà đều xác định tại thời điểm vay tiền thì chị N1 sống chung nhà với bà N, còn ông L thì cất nhà ở riêng gần đó.

Về phía chị L, bà Ng cũng không có chứng cứ chứng minh việc chị N1 vay tiền phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Vì thế, ông L kháng cáo không đồng ý liên đới cùng với chị N1, bà N trả nợ cho chị L và bà Ng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông L.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không chấp nhận kháng cáo của chị N1, bà N và chấp nhận kháng cáo của ông L. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên kháng cáo của chị N1, bà N là không có căn cứ, kháng cáo của ông L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị N1, bà N, chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị N1, bà N, chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do kháng cáo của chị N1, bà N không được chấp nhận, nên chị N1 và bà N phải chịu tiền án phí phúc thẩm; kháng cáo của ông L được chấp nhận, nên ông L không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 157 Bộ Luật Dân sự; Điều 147; khoản 1, 2, Điều 148; khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Thị Kim N1 và Lê Thị N.
- Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn L.
- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

1. Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Thanh L và bà Phạm Thị Ng yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa 141, tờ bản đồ số 23, diện tích 539,7m² do hộ ông Huỳnh Văn L tặng cho ông Huỳnh Văn L ngày 15/4/2022.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Thanh L và bà Phạm Thị Ng, yêu cầu chị Huỳnh Thị Kim N1, bà Lê Thị N, ông Huỳnh Văn L, anh Huỳnh Văn L1, anh Huỳnh Minh Tr, chị Huỳnh Thị Như H1 và cháu Huỳnh Gia B (đại diện theo pháp luật anh Huỳnh Minh Tr và chị Huỳnh Thị Như H1) trả cho chị Lê Thanh L số tiền lãi 58.390.500 đồng và trả cho bà Phạm Thị Ng số tiền lãi 27.805.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu của ông Huỳnh Văn L, anh Huỳnh Văn L1, anh Huỳnh Minh Tr và chị Huỳnh Thị Như H1 yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa 141, tờ bản đồ số 23, diện tích 539,7m² do hộ ông Huỳnh Văn L tặng cho ông Huỳnh Văn L ngày 15/4/2022.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh L và bà Phạm Thị Ng.

4.1 Buộc chị Huỳnh Thị Kim N1 và bà Lê Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho chị Lê Thanh L số tiền 670.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu đồng).

4.2 Buộc chị Huỳnh Thị Kim N1 và bà Lê Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị Ng số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thanh L và bà Phạm Thị Ng, yêu cầu ông Huỳnh Văn L, anh Huỳnh Văn L1, anh Huỳnh Minh Tr, chị Huỳnh Thị Như H1 và cháu Huỳnh Gia B (đại diện theo pháp luật là anh Huỳnh Minh Tr và chị Huỳnh Thị Như H1) trả cho chị Lê Thanh L số tiền 670.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu đồng) và trả cho bà Phạm Thị Ng số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

5 Về án phí sơ thẩm:

5.1 Chị Lê Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị Lê Thanh L còn được nhận lại số tiền 17.159.672 đồng tại các biên lai số 0005362 ngày 06/01/2022 và biên lai số 0005711 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

5.2 Bà Phạm Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Phạm Thị Ng còn được nhận lại số tiền 7.709.125 đồng tại các biên lai số 0005361 ngày 06/01/2022 và biên lai số 0005712 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

5.3 Chị Huỳnh Thị Kim N1 và bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 40.200.000 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

5.4 Ông Huỳnh Văn L, anh Huỳnh Văn L1, anh Huỳnh Minh Tr và chị Huỳnh Thị Như H1 mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005704 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

6. Về án phí phúc thẩm:

6.1 Chị Huỳnh Thị Kim N1 và bà Lê Thị N mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị N1 theo biên lai thu số 001191 ngày 04/8/2022 là 300.000 đồng và bà N theo biên lai thu số 0011390 ngày 04/8/2022 là 300.000 đồng, được trừ vào tiền án phí.

6.2 Ông Huỳnh Văn L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0011392 ngày 04/8/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- CCTHADS thành phố Cao Lãnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

Nguyễn Tấn Tạng